TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2019/KDTM-ST
Ngày: 11/01/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bình
2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vũ Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2017/TLST-KDTM ngày 04 tháng 07 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐXXST-KDTM ngày 18/12/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần Đô thị C**.
Địa chỉ: đường I, phường Ai, quận N, thành phố Cần Thơ
Người đại diện theo pháp luật: ông Lưu Việt V – Chủ tịch hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà P và bà T, văn bản ủy quyền ngày 16/6/2017. *(Có mặt)*

Bị đơn: **Công ty TNHH SX-TM-DV B**.
Địa chỉ trụ sở: đường U, Phường F, quận X, Tp. Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Tiến S - Giám đốc công ty.
Địa chỉ cư trú: đường U, Phường F, quận X, Tp. Hồ Chí Minh
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong các bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty cổ phần Đô thị C có bà P và bà T trình bày:

Ngày 25 tháng 10 năm 2016 Công ty cổ phần Đô thị C (sau đây gọi tắt là Công ty C hoặc nguyên đơn) và Công ty TNHH SX-TM-DV B (Sau đây gọi tắt là Công ty B hoặc bị đơn) ký Hợp đồng mua bán quần áo bảo hộ lao động số 23/HĐNT. Giá trị hợp đồng là: 93.500.000đồng. Theo hợp đồng Công ty Công ty C tạm ứng cho Công ty B 20% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 18.700.000 đồng, phần còn lại sẽ thanh toán cho Công ty B sau khi hai bên tiến hành nghiệm thu, thanh lý hợp đồng theo quy định trong vòng 20 ngày. Đến ngày 07/11/2016, Công ty C đã chuyển khoản bằng Ủy

nhiệm chi số 00130304 với số tiền 18.700.000 đồng cho Công ty B theo đúng như văn bản đề nghị tạm ứng ngày 03/11/2016.

Đến ngày 22/11/2016, Công ty B có văn bản xin gia hạn thực hiện hợp đồng do có khó khăn trong việc thực hiện đơn hàng. Sau đó các bên có bàn bạc trao đổi lại và thống nhất Công ty B sẽ phải trả lại cho Công ty C số tiền đã tạm ứng là 18.700.000 đồng, còn việc có tiếp tục thực hiện hợp đồng không thì sẽ có văn bản gửi cho Công ty C. Tuy nhiên, sau đó phía nguyên đơn vẫn không nhận được bất cứ văn bản yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng nào từ phía bị đơn.

Ngày 01/12/2017 nguyên đơn làm bản tự khai rút lại yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền 18.700.000 đồng, yêu cầu Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền nợ là: 18.700.000 đồng và 5.984.000 đồng tiền phạt do vi phạm hợp đồng. Tổng số tiền yêu cầu Công ty B thanh toán là: 24.684.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền phạt hợp đồng 5.984.000 đồng, được tính theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, thay vì 7.480.000 đồng như ban đầu. Số tiền phạt vi phạm hợp đồng được tính như sau: 8% x (93.500.000 – 18.700.000) = 5.984.000 đồng. Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 24.684.000 đồng, trong đó bao gồm: 18.700.000 đồng tiền tạm ứng và 5.984.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng, tổng cộng là 24.684.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không rõ ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Căn cứ Hợp đồng mua bán quần áo bảo hộ lao động số 23/HĐNT ngày 25/10/2016 giữa Công ty cổ phần Đô thị C với Công ty TNHH SX-TM-DV B thì giữa hai bên đã phát sinh quan hệ Hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên khởi kiện, xét đơn khởi kiện của Công ty C là phù hợp khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- *Nguyên Đơn:* Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 1800271113, đăng ký lần đầu ngày 26/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/7/2015 thì người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Lưu Việt V – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Căn cứ giấy uỷ quyền ngày 16/6/2017, ông Lưu Việt V uỷ quyền cho bà P và bà T đại diện cho nguyên đơn tham gia tố tụng. Giấy uỷ quyền ngày 16/6/2017 là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Bị đơn:* Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0302668347 đăng ký lần đầu ngày 18/7/2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 08/07/2015 thì người đại diện theo pháp luật

của Công ty B là ông Đinh Tiến S – Giám đốc và trụ sở chính đăng ký tại địa chỉ đường U, Phường F, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn đến tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt 2 lần tại phiên tòa không có lý do, không cử người đại diện và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì gửi cho Tòa án. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo luật định.

[3] Nội dung tranh chấp:

Công ty C cho rằng Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán quần áo bảo hộ lao động số 23/HĐNT ngày 25/10/2016 nên khởi kiện. Đây là nội dung tranh chấp cần xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán quần áo bảo hộ lao động số 23/HĐNT ngày 25/10/2016, văn bản đề nghị tạm ứng ngày 03/11/2016 và ủy nhiệm chi số 00130304 ngày 07/11/2016 do nguyên đơn xuất trình, có đủ cơ sở xác định Công ty B có nhận của Công ty C số tiền 18.700.000 đồng tiền đã tạm ứng bán hàng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn mặc dù có cam kết gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng nhưng thực tế không thực hiện, không có ý kiến hoặc văn bản tiếp tục thực hiện hợp đồng, nên nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã tạm ứng, đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng, nguyên đơn cho rằng tại Điều 9 của Hợp đồng mua bán quần áo bảo hộ lao động số 23/HĐNT ngày 25/10/2016 quy định: "Nếu bên B giao hàng không đúng thời gian quy định tại điều 3 của hợp đồng thì bên B phải bồi thường thiệt hại, tổn thất (nếu có) do chậm cung ứng hàng hóa và nộp 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho bên A". Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng được tính theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, cụ thể: (93.500.000 – 18.700.000) x 8% = 5.984.000 đồng. Xét việc nguyên đơn yêu cầu mức phạt vi phạm hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 301 của Luật Thương mại năm 2005 nên có cơ sở để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, đồng thời cũng không có ý kiến phản đối hay tranh chấp đối với việc khởi kiện của nguyên đơn và không cử người đại diện tham gia tố tụng, do vậy Hội đồng xét xử có thể hiểu rằng bị đơn chấp nhận mọi yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, bị đơn phải phải có trách nhiệm thanh toán số tiền đã nhận của nguyên đơn là 18.700.000 đồng và căn cứ Điều 9 của Hợp đồng mua bán quần áo bảo hộ lao động số 23/HĐNT ngày 25/10/2016, cần buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại, tổn thất do chậm cung ứng hàng hóa và nộp 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Về lãi chậm thanh toán, nguyên đơn xác nhận không yêu cầu tiền lãi. Xét việc nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nên trên; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là

24.684.000 (hai mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng, trong đó bao gồm 18.700.000 đồng tiền nhận cọc và 5.984.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Về thời hạn thanh toán: Do Công ty B không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng cũng không trả lại số tiền đã tạm ứng cho nguyên đơn. Tính cho đến nay thì số nợ vốn tồn đọng hơn 2 năm, vì vậy cần ấn định cho Công ty B phải trả hết số tiền cho Công ty C trong thời gian nhất định là thỏa đáng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên phía bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 24.684.000 đồng phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm a, mục 4, khoản 1 phần I của Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 301, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 và điểm a, mục 4, khoản 1 phần I của Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Công ty cổ phần Đô thị C.

Buộc Công ty TNHH SX-TM-DV B phải thanh toán cho Công ty cổ phần Đô thị C số tiền 24.684.000 *(Hai mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi tư ngàn)* đồng, trong đó bao gồm: 18.700.000 đồng tạm ứng và 5.984.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng, để chấm dứt nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ Hợp đồng mua bán quần áo bảo hộ lao động số 23/HĐNT ngày 25/10/2016.

- Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Địa điểm thi hành: Tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Công ty TNHH SX-TM-DV B chậm thanh toán số tiền ghi trên thì phải chịu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.000.000 (Ba triệu) đồng, Công ty TNHH SX-TM-DV B phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho Công ty cổ phần Đô thị C theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006422 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Tân Bình;
- THA DS Q. Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Đức